

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS-ST

Ngày: 03 – 8 – 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Hưởng**

2. Ông **Trần Văn Phước**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1959 và bà Lý Thị A, sinh năm 1961. Cùng địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Kim T, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thành D trình bày:*

Vào ngày 20/4/1999 âm lịch, vợ ông Nguyễn Chí L có đến nhà ông hỏi vay 25 chỉ vàng 24K, nói vay để sang đất, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng (đóng lãi hàng tháng), lúc đó ông L nói vay vài tháng sẽ trả lại, không thỏa thuận thời hạn cụ thể

khi nào sẽ trả, việc cho vay hai bên chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ. Vợ chồng ông đồng ý cho vay, vợ ông trực tiếp lấy vàng đưa cho ông L trực tiếp nhận vàng tại nhà ông số vàng 25 chỉ vàng 24K, khi đó có mặt vợ chồng ông, vợ chồng ông L, ngoài ra không còn ai khác chứng kiến.

Lúc vay thỏa thuận đóng lãi hàng tháng, là đến ngày 20/5/1999 âm lịch vợ chồng ông L phải đóng lãi cho ông. Ông có đến nhà yêu cầu vợ chồng ông L đóng lãi cho ông như đã thỏa thuận nhưng vợ chồng ông L không đóng lãi mà hẹn tháng sau. Nhưng đến tháng sau (tức là tháng 6/1999 âm lịch) ông lại đến yêu cầu đóng lãi cho ông nhưng vẫn không đóng, vợ chồng ông L nói cho 10 tháng sẽ đóng lãi 01 lần và ông đồng ý. Đến 10 tháng sau vợ chồng ông L vẫn không đóng lãi cho ông như đã hứa, vẫn tiếp tục hẹn mà không đóng lãi cho ông. Sau đó, mỗi năm ông đều đến yêu cầu vợ chồng ông L đóng lãi và trả vàng gốc cho ông nhưng vợ chồng ông L cứ hứa mà không trả. Số vàng ông cho vợ chồng ông L vay là tài sản chung của vợ chồng ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Chí L và bà Lý Thị A phải trả cho ông số vàng vay gốc còn nợ là 25 chỉ vàng 24K và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Lý Thị A trình bày:*

Vào tháng 02/1989 âm lịch, vợ chồng bà có vay của vợ chồng ông D số vàng gốc 25 chỉ vàng 24K, thỏa thuận lãi suất mỗi năm đóng lãi là 12,5 chỉ vàng 24K, không thỏa thuận thời hạn trả, chỉ cần đóng lãi đầy đủ hàng năm, khi nào có thì trả, việc vay vàng hai bên chỉ nói miệng chứ không có làm giấy tờ gì hết. Vợ chồng bà trực tiếp nhận đủ số vàng 25 chỉ vàng 24K do vợ ông D đưa, khi đó có mặt vợ chồng ông D và vợ chồng bà, ngoài ra không còn ai khác chứng kiến. Sau khi vay vợ chồng bà có đóng lãi được 05 năm với tổng số vàng đóng lãi là 62,5 chỉ vàng 24K nhưng đến nay vẫn chưa trả số vàng gốc và hiện vẫn còn nợ vợ chồng ông D 25 chỉ vàng 24K. Nay vợ chồng bà chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông D 05 chỉ vàng 24K theo yêu cầu của ông D, phần còn lại 20 chỉ vàng 24K không đồng ý trả do vợ chồng bà đã đóng lãi nhiều nên hiện nay không có khả năng trả để trả số vàng còn lại cho vợ chồng ông D. Đối với số vàng lãi vợ chồng bà đã đóng cho vợ chồng ông D tổng cộng là 62,5 chỉ vàng 24K thì bà không yêu cầu gì hết. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Chí L trình bày:*

Ông thống nhất theo lời trình bày của bà A. Ông không còn ý kiến trình bày hay yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim T trình bày:*

Bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của ông D, không có yêu cầu gì khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D. Buộc ông L và bà A có nghĩa vụ trả cho ông D và bà T 25 chỉ vàng 24K. Về án phí: Miễn án phí cho ông L và bà A do người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ông D khởi kiện yêu cầu ông L và bà A trả vàng vay, ông L và bà A đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Ông D xác định có cho vợ chồng ông L và bà A có vay số vàng gốc là 25 chỉ vàng 24K, đến nay ông L và bà A vẫn chưa trả lại cho ông D. Ông L và bà A thừa nhận có vay của ông D số vàng gốc là 25 chỉ vàng 24K và hiện vẫn còn nợ ông D. Sự thừa nhận của ông L và bà A là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, ông D xác định cho ông L và bà A vay vàng năm 1999 âm lịch, còn ông L và bà A lại xác định vay vàng của ông D vào năm 1989 âm lịch. Mặc dù các đương sự trình bày không thống nhất về thời gian vay vàng, nhưng hai bên đều thống nhất ngoài lần vay số vàng 25 chỉ vàng 24K này ra thì ông L và bà A không còn vay vàng lần nào khác của ông D. Như vậy, việc ông L và bà A có vay vàng của ông D và hiện còn nợ vàng ông D là thực tế có xảy ra. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu ông L và bà A phải trả là có căn cứ.

[4] Ông L và bà A cho rằng sau khi vay có đóng lãi cho ông D thời gian 05 năm với tổng số vàng là 62,5 chỉ vàng 24K, tuy nhiên ông D không thừa nhận, ông D xác định ông L và bà A không có đóng lãi, ông L và bà A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã đóng lãi cho ông D là 62,5 chỉ vàng 24K nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông L và bà A. Ông L và bà A thừa nhận hiện vẫn còn nợ ông D số vàng vay gốc là 25 chỉ vàng 24K nhưng chỉ đồng ý trả 05 chỉ vàng 24K, còn lại 20 chỉ vàng 24K không đồng ý trả cho ông D với lý do đã đóng lãi quá nhiều là không có căn cứ chấp nhận. Ông D xác định số vàng cho ông L và bà A vay là tài sản chung của vợ chồng ông D và bà T nên ông L và bà A phải cùng có nghĩa vụ trả lại cho ông D và bà T.

[5] Đối với số tiền ông L và bà A thừa nhận còn nợ ông D và bà T là 8.000.000 đồng, ông D và bà T xác định không yêu cầu ông L và bà A phải trả trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp

các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D đối với ông L và bà A. Buộc ông L và bà A cùng có nghĩa vụ trả cho ông D và bà T số vàng vay còn nợ là 25 chỉ vàng 24K. Do ông D không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Ông L và bà A có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 467, 471 của Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành D đối với ông Nguyễn Chí L và bà Lý Thị A. Buộc ông Nguyễn Chí L và bà Lý Thị A cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành D và bà Trần Kim T số vàng vay còn nợ là 25 (Hai mươi lăm) chỉ vàng 24K.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Chí L và bà Lý Thị A thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự khác không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Thành D đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 3.371.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005223 ngày 27/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly